

Bản án số: 42/2026/HSST
Ngày 29/5/2026

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tiến Đại**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Trung Xuân**
2. Bà **Hoàng Thị Thanh Tú**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lục Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên. Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2026/TLST - HS ngày 09 tháng 4 năm 2026 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Trần Viết H**; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 16 tháng 8 năm 1982 - tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi thường trú: **Thôn N, xã K, tỉnh Hà Tĩnh**; nơi tạm trú: **Thôn K, phường B, tỉnh Thái Nguyên**; nơi ở hiện tại: **Thôn N, xã K, tỉnh Hà Tĩnh**. quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; con ông **Trần Đình B**, đã chết và bà **Lê Thị M**, sinh năm 1953; vợ: **Vũ Thị H1**, sinh năm 1981; con: Có 4 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2026 đến ngày 23/3/2026 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh từ ngày 23/3/2026 đến nay. Có mặt.

2. **Trần Đình L**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 11 tháng 11 năm 1984 - tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi thường trú: **Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Hà Tĩnh**; nơi tạm trú: **Thôn C, xã T, tỉnh Thái Nguyên**; nơi ở hiện tại: **Thôn C, xã T, tỉnh Thái Nguyên**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ

học vấn: Lớp 07/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; con ông **Trần Đình V**, sinh năm 1956 (đã chết) và bà **Trương Thị M1**, sinh năm 1962; vợ: **Hoàng Thị T**, sinh năm 1987; con: Có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Tại Quyết định số 73/QĐ-XPHC ngày 29/9/2023, **Trần Đình L** bị **Công an huyện L**, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” với số tiền 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Ngày 20/02/2024, **Trần Đình L** đã nộp phạt số tiền trên.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2026 đến ngày 23/3/2026 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh từ ngày 23/3/2026 đến nay. Có mặt.

3. **Trần Đình G**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 18 tháng 6 năm 1987 - tại tỉnh Hà Tĩnh.; nơi thường trú: **Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Hà Tĩnh**; nơi tạm trú: **Thôn C, xã T, tỉnh Thái Nguyên**; nơi ở hiện tại: **Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Hà Tĩnh**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 05/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; con ông **Trần Đình V**, sinh năm 1956 (đã chết) và bà **Trương Thị M1**, sinh năm 1962; vợ: **Phạm Thị P**, sinh năm 1992; con: Có 4 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2026 đến ngày 23/3/2026 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh từ ngày 23/3/2026 đến nay. Có mặt.

4. **Nguyễn Viết Q**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 06 tháng 4 năm 1992 - tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi thường trú: **Thôn B, xã T, tỉnh Hà Tĩnh**; nơi ở hiện tại: **Thôn B, xã T, tỉnh Hà Tĩnh**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; con ông **Nguyễn Viết V1**, sinh năm 1954 (đã chết) và bà **Trần Thị T1**, sinh năm 1958; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2026 đến ngày 23/3/2026 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh từ ngày 23/3/2026 đến nay. Có mặt.

5. **Trương Bá T2**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 27 tháng 7 năm 1982 - tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi thường trú: **Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Hà Tĩnh**; nơi ở hiện tại: **Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Hà Tĩnh**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; con ông **Trương Bá C**, sinh năm 1948 (đã chết) và bà **Trương Thị L1**, sinh năm 1952; vợ: **Trương Thị D**, sinh năm 1986; con: Có 3 con, con lớn nhất sinh năm

2009, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2026 đến ngày 23/3/2026 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh từ ngày 23/3/2026 đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh **Lê Quang T3**, sinh ngày 14/9/1991. Nơi ở hiện tại: **Thôn C, xã T, tỉnh Thái Nguyên**. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh **Lê Xuân H2**, sinh ngày 25/9/1979. Nơi ở hiện tại: **Thôn C, xã T, tỉnh Thái Nguyên**. Có mặt.

2. Anh **Nguyễn Văn T4**, sinh ngày 29/5/2985. Nơi ở hiện tại: **Thôn C, xã T, tỉnh Thái Nguyên**. Vắng mặt.

3. Anh **Lê Văn C1**, sinh ngày 30/10/1978. Nơi ở hiện tại: **Thôn C, xã T, tỉnh Thái Nguyên**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 31/01/2026 **Công an xã T** nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại khu vực công trường thuộc **đội T, thôn C, xã T, tỉnh Thái Nguyên** có một nhóm người đang đánh bạc. **Công an xã T** kiểm tra tin báo. Kết quả hồi 01 giờ ngày 31/01/2026 đã phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với **Trần Viết H, Trần Đình L, Trần Đình G, Trương Bá T2, Nguyễn Viết Q** đang ngồi trong phòng có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng. Tang vật thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền là 15.600.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó của **H** 4.000.000đ, của **Lương** 3.200.000đ, của **Gia** 3.100.000đ, của **Q** 3.100.000đ, của **T2** 2.200.000đ, một đĩa xóc màu trắng, một bát xóc màu trắng cùng 04 (bốn) quân vị làm bằng giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng. Ngoài ra, kiểm tra thu giữ trên người của **H** 11.000.000đ, của **Lương** 2.000.000đ, của **Gia** 2.600.000đ, của **T2** 800.000đ cùng 04 (bốn) chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng.

Quá trình giải quyết vụ án xác định:

Khoảng 18 giờ ngày 30/01/2026 **Trần Viết H** lái xe ô tô nhãn hiệu Lissan, màu đen, biển kiểm soát 38A -271.77 (xe ô tô cá nhân của **H**) chở theo **Trần Đình L, Trần Đình G, Lê Xuân H2, Lê Văn C1** đi từ **thôn C, xã T, tỉnh Thái Nguyên** lên **phường B, tỉnh Thái Nguyên** để liên hoan tất niên tại **quán H4**, khi lên đến quán thì có thêm **Nguyễn Viết Q** và **Trương Bá T2** (**Q** và **T2** đi xe máy từ công trường thuộc **phường B** đến), sau khi ăn cơm uống rượu xong khoảng 22 giờ 15 phút **C1** lái xe của **H** chở theo **H, L, G, H2, Q, T2** từ **quán H4** tại **phường B, tỉnh Thái Nguyên** về lán của **H2** tại **thôn C, xã T, tỉnh Thái Nguyên** để ngủ. Khi về

đến lán H, L, G, H2, Q, T2, C1 ngồi uống nước ở ngoài sân. Đến khoảng 23 giờ thì vào trong lán, lúc này H2 đi về phòng ngủ, C1 nằm trên giường xem điện thoại. Khi vào đến phòng H nhìn thấy cạnh chăn, chiếu có 01 bát sứ đang úp trên đĩa sứ, mở ra bên trong có 04 quân vị hình tròn, dẹt, một mặt màu vàng, một mặt màu trắng được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá do Lê Quang T3, sinh năm 1991, trú tại thôn Y, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa để lại vào khoảng 10 giờ ngày 30/01/2026 (sau đó Lê Quang T3 đã đi làm tại công trường từ 18 giờ 30 phút ngày 30/01/2026 đến 01 giờ ngày 31/01/2026), lúc này H, L, G, Q, T2 đã nảy sinh ý định đánh bạc trái phép và cùng ngồi xuống chiếu, sau đó cùng nhau thống nhất mỗi người bỏ ra 3.000.000đ (Ba triệu đồng) để đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền Việt Nam đồng. Sau khi thống nhất thì H, L, G, Q, T2 đã tham gia đánh bạc đến khoảng 01 giờ ngày 31/01/2026 thì bị Công an xã T phát hiện, bắt quả tang thu giữ trên chiếc bạc tổng số tiền là 15.600.000đ (Mười năm triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó của H 4.000.000đ, của Lương 3.200.000đ, của Gia 3.100.000đ, của Q 3.100.000đ, của T2 2.200.000đ. Thu giữ trên người của H 11.000.000đ, của Lương 2.000.000đ, của Gia 2.600.000đ, của T2 800.000đ, số tiền của H, L, G không sử dụng để đánh bạc, còn 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) của Trương Bá T2 sử dụng để đánh bạc. Tổng số tiền các bị can sử dụng để đánh bạc là 16.400.000đ. Trong suốt quá trình đánh bạc H là người cầm cái xóc đĩa cho L, G, Q, T2 đặt tiền còn những người khác gồm Lê Xuân H2, Lê Văn C1, Nguyễn Văn T4 chỉ xem không tham gia đánh bạc, không hưởng lợi, không chuẩn bị công cụ để phục vụ đánh bạc trái phép.

Hình thức đánh bạc là sử dụng một chiếc đĩa sứ, dùng 4 quân vị bằng vỏ bao thuốc lá hình tròn, dẹt một mặt vàng, một mặt trắng đặt lên trên đĩa rồi úp bát sứ lên 4 quân vị, sau đó người cầm cái sẽ cầm bát và đĩa lên để xóc nhiều lần rồi đặt xuống, những người tham gia chơi sẽ đặt tiền để đánh với nhau theo hai bên “cửa chẵn” và “cửa lẻ”. Sau khi đã đặt tiền xong thì người xóc cái mới mở bát sứ ra để xét bài, nếu quân bài thể hiện 4 quân mặt đen, 4 quân mặt trắng hoặc 2 quân mặt đen, 2 quân mặt trắng là “chẵn”; nếu quân bài thể hiện 3 quân mặt đen, 1 quân mặt trắng hoặc 3 quân mặt trắng, 1 quân mặt đen là “lẻ”. Bên nào đặt tiền nhưng lệch cửa không đúng cửa đánh thì bị thua và mất số tiền đã đặt cho bên thắng. Tỷ lệ đánh bạc được quy định như sau: Nếu đánh chẵn, lẻ thì tỷ lệ là 1:1 (đặt cược 100.000đ nếu thắng cược sẽ được 100.000đ, nếu thua sẽ mất số tiền 100.000đ).

Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo Trần Viết H, Trần Đình L, Trần Đình G, Nguyễn Viết Q, Trương Bá T2 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và ăn năn hối cải, lời khai của các bị can là phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

* Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng:

- Vật chứng hiện đang được đang được bảo quản tại Kho bạc nhà nước Khu vực 7 - Thái Nguyên:

+ Số tiền 15.600.000đ (Mười năm triệu sáu trăm nghìn đồng) thu giữ trên chiếu bạc tại thời điểm phát hiện và bắt quả tang.

+ Số tiền 16.400.000đ (Mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) thu giữ trên người các đối tượng.

- Vật chứng hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng số 2, Công an tỉnh

T:

+ 01 (một) đĩa sứ màu trắng, có hoa văn màu xanh vàng.

+ 01 (một) bát sứ màu trắng, đáy bát có biểu tượng và dòng chữ “Thái Bình made in Vietnam”.

+ 04 (bốn) quân vị hình tròn, dẹt, một mặt vàng, một mặt màu trắng có chữ viết được cắt từ vỏ bao thuốc lá.

+ 02 chiếc cùi đã qua sử dụng màu xanh.

+ 01 chăn nhung cũ đã qua sử dụng màu đỏ.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, lưng màu hồng nhạt, kiểu máy IPHONE 16 PROMAX cũ, đã qua sử dụng, số seri L652RHX2J4, số máy MYTP32A/A và 01 (một) ốp điện thoại bằng nhựa dẻo màu trắng của **Trần Viết H.**

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, lưng màu đen, kiểu máy REDMI 13, số seri 55559/W4RU00879 của **Trần Đình G.**

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, lưng màu xanh, kiểu máy V2110 cũ, đã qua sử dụng, số seri 34471520990038E của **Nguyễn Viết Q.**

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, lưng màu bạc, màn hình màu đen, kiểu máy V2441, số seri 10AF321QDM003KQ và 01 (một) ốp điện thoại bằng nhựa dẻo màu trắng của **Trương Bá T2.**

Tại bản cáo trạng số 04B/CT-VKSKV6 ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên đã truy tố đối với các bị cáo về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên trong phần luận tội đã giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 50, Điều 58, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự đối với các bị **Trần Viết H, Trần Đình L, Trần Đình G, Nguyễn Viết Q, Trương Bá T2.** Xử phạt đối với bị cáo **Trần Viết H, Trần Đình L** mỗi bị cáo từ 30 triệu đến 35 triệu đồng; các bị cáo **Trần Đình G, Nguyễn Viết Q, Trương Bá T2** mỗi bị cáo từ 25 triệu đến 30 triệu đồng.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về vật chứng, đề nghị:

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 16.400.000đ (Mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Trong đó 15.600.000đ thu giữ trên chiếu bạc tại thời điểm phát hiện và bắt quả tang và số tiền 800.000đ thu giữ trên người của **Trương Bá T2** sử dụng để đánh bạc.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 15.600.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) thu giữ trên người các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

+ Số vật chứng không có giá trị sử dụng đề nghị tịch thu tiêu hủy gồm:

01 (một) đĩa sứ màu trắng, có hoa văn màu xanh vàng.

01 (một) bát sứ màu trắng, đáy bát có biểu tượng và dòng chữ “Thái Bình made in Vietnam”.

04 (bốn) quân vị hình tròn, dẹt, một mặt vàng, một mặt màu trắng có chữ viết được cắt từ vỏ bao thuốc lá.

02 chiếc cũ đã qua sử dụng màu xanh.

01 chăn nhung cũ đã qua sử dụng màu đỏ.

+ Tiếp tục tạm giữ và sẽ trả lại sau khi các bị cáo đã thi hành xong các khoản tiền phạt đối với các tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội gồm:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, lưng màu hồng nhạt, kiểu máy IPHONE 16 PROMAX cũ, đã qua sử dụng, số seri L652RHX2J4, số máy MYTP32A/A và 01 (một) ốp điện thoại bằng nhựa dẻo màu trắng cho **Trần Viết H.**

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, lưng màu đen, kiểu máy REDMI 13, số seri 55559/W4RU00879 cho **Trần Đình G.**

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, lưng màu xanh, kiểu máy V2110 cũ, đã qua sử dụng, số seri 34471520990038E cho **Nguyễn Viết Q.**

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, lưng màu bạc, màn hình màu đen, kiểu máy V2441, số seri 10AF321QDM003KQ và 01 (một) ốp điện thoại bằng nhựa dẻo màu trắng cho **Trương Bá T2.**

+ Tiếp tục tạm giữ của 05 bị cáo, mỗi bị cáo số tiền 25.000.000 đồng do các bị cáo tạm nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

* Các bị cáo thành khẩn, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến gì với quyết định truy tố và không có tranh luận gì với luận tội của Viện kiểm sát.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt và không có yêu cầu lấy lại tài sản bị thu giữ.

* Những người làm chứng đã khai báo trung thực những tình tiết mình biết liên quan đến vụ án.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thấy mình đã vi phạm pháp luật và mong muốn Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố, vai trò, tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo do dự liên hoan tất niên cùng nhau, sau khi ăn uống đã cùng nhau về phòng uống nước, khi vào đến phòng **H** nhìn thấy cạnh chần, chiếu có 01 bát sứ đang úp trên đĩa sứ, mở ra bên trong có 04 quân vị có sẵn ở đó từ trước nên đã cùng nhau nảy sinh ý định đánh bạc. Hành vi của các bị cáo được thực hiện một cách bột phát, không có mục đích từ trước, không có sự phân công vai trò và không có thỏa thuận với nhau từ trước. Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đối với bị cáo **Thần Viết H3** là người phát hiện bộ dụng cụ để súc đĩa, là người trực tiếp súc cái trong quá trình đánh bạc. Xét thấy bị cáo có vai trò tích cực hơn các bị cáo khác nên khi xem xét, cân nhắc mức hình phạt phải nghiêm khắc hơn các bị cáo khác là phù hợp.

Đối với bị cáo **Trần Đình L**, đã từng bị **Công an huyện L**, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” với số tiền 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Ngày 20/02/2024, bị cáo đã thi hành xong, tính đến thời điểm phạm tội lần này bị cáo đã được coi là chưa bị xử phạt hành chính. Nên khi xem xét, cân nhắc mức hình phạt phải nghiêm khắc hơn các bị cáo khác là phù hợp.

Xét tính chất hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự xã hội, làm gia tăng tệ nạn xã hội và tội phạm ở địa phương. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, trong khi các bị cáo có đầy đủ năng lực về

trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, việc truy tố và xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Vì vậy cần xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân:

Bị cáo **Trần Viết H**, sinh ra và lớn lên tại tỉnh Hà Tĩnh, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12 thì nghỉ học ở nhà lao động tự do. Ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** khởi tố bị can về hành vi “Đánh bạc”. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2026 đến ngày 23/3/2026 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh từ ngày 23/3/2026 đến nay. Trước khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, phạm tội lần này là lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo **Trần Đình L**, sinh ra và lớn lên tại tỉnh Hà Tĩnh, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 7/12 thì nghỉ học ở nhà lao động tự do. Ngày 29/9/2023 bị **Công an huyện L**, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” với số tiền 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Ngày 20/02/2024, bị cáo đã thi hành xong, tính đến thời điểm phạm tội lần này bị cáo đã được coi là chưa bị xử phạt hành chính. Ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** khởi tố bị can về hành vi “Đánh bạc”. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2026 đến ngày 23/3/2026 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh từ ngày 23/3/2026 đến nay, phạm tội lần này là lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo không bị coi là có nhân thân xấu.

Bị cáo **Trần Đình G**, sinh ra và lớn lên tại tỉnh Hà Tĩnh, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 5/12 thì nghỉ học ở nhà lao động tự do. Ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** khởi tố bị can về hành vi “Đánh bạc”. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2026 đến ngày 23/3/2026 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh từ ngày 23/3/2026 đến nay. Trước khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, phạm tội lần này là lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo **Nguyễn Viết Q**, sinh ra và lớn lên tại tỉnh Hà Tĩnh, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12 thì nghỉ học ở nhà lao động tự do. Ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** khởi tố bị can về hành vi “Đánh bạc”. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2026 đến ngày 23/3/2026 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh từ ngày 23/3/2026 đến nay. Trước khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, phạm tội lần này là lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo **Trương Bá T2**, sinh ra và lớn lên tại tỉnh Hà Tĩnh, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12 thì nghỉ học ở nhà lao động tự do. Ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** khởi tố bị can về hành vi “*Đánh bạc*”. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2026 đến ngày 23/3/2026 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh từ ngày 23/3/2026 đến nay. Trước khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, phạm tội lần này là lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có nhân thân tốt.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo **Trần Viết H**, **Trần Đình L**, **Trần Đình G**, **Nguyễn Viết Q**, **Trương Bá T2** đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, có nhân thân tốt, có thu nhập và có khả năng thi hành hình phạt tiền. Xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù vẫn đảm bảo giáo dục, cải tạo được các bị cáo, nên áp dụng Điều 35 của Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo để các bị cáo có điều kiện sửa chữa lỗi lầm.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy bản cáo trạng số 04B/CT-VKSKV6 ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên đã truy tố đối với các bị cáo về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[6] Về các nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX tại phiên tòa gồm:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Trần Viết H**, **Trần Đình L**, **Trần Đình G**, **Nguyễn Viết Q**, **Trương Bá T2** phạm tội “*Đánh Bạc*”.

- Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 35, Điều 58, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với 05 bị cáo nêu trên, xử phạt đối với **Trần Viết H**, **Trần Đình L** mỗi bị cáo từ 30 (ba mươi) đến 35 (ba mươi lăm) triệu đồng; đối với **Trần Đình G**, **Nguyễn Viết Q**, **Trương Bá T2** mỗi bị cáo từ 25 (hai mươi lăm) đến 30 (ba mươi) triệu đồng. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về các vấn đề khác: Đề nghị về xử lý vật chứng, về án phí theo quy định của pháp luật.

Xét thấy các nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, về mức hình phạt, về xử lý vật chứng, về án phí và các vấn đề khác là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo đã phải thi hành hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[8] Về vật chứng:

+ Số tiền 16.400.000đ (Mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Trong đó 15.600.000đ thu giữ trên chiếu bạc tại thời điểm phát hiện và bắt quả tang gồm: Của **H** 4.000.000đ, của Lương 3.200.000đ, của Gia 3.100.000đ, của **Q** 3.100.000đ, của **T2** 2.200.000đ và số tiền 800.00đ thu giữ trên người của **Trương Bá T2** sử dụng để đánh bạc, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

+ Số tiền 15.600.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) thu giữ trên người các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc gồm: Của **H** 11.000.000đ, của Lương 2.000.000đ, của Gia 2.600.000đ, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

+ Số vật chứng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy gồm:

01 (một) đĩa sứ màu trắng, có hoa văn màu xanh vàng.

01 (một) bát sứ màu trắng, đáy bát có biểu tượng và dòng chữ “Thái Bình made in Vietnam”.

04 (bốn) quân vị hình tròn, dẹt, một mặt vàng, một mặt màu trắng có chữ viết được cắt từ vỏ bao thuốc lá.

02 chiếu cũ đã qua sử dụng màu xanh.

01 chăn nhung cũ đã qua sử dụng màu đỏ.

+ Đối với 04 chiếc điện thoại di động, gồm:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, lưng màu hồng nhạt, kiểu máy IPHONE 16 PROMAX cũ, đã qua sử dụng, số seri L652RHX2J4, số máy MYTP32A/A và 01 (một) ốp điện thoại bằng nhựa dẻo màu trắng của **Trần Viết H.**

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, lưng màu đen, kiểu máy REDMI 13, số seri 55559/W4RU00879 của **Trần Đình G.**

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, lưng màu xanh, kiểu máy V2110 cũ, đã qua sử dụng, số seri 34471520990038E của **Nguyễn Viết Q.**

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, lưng màu bạc, màn hình màu đen, kiểu máy V2441, số seri 10AF321QDM003KQ và 01 (một) ốp điện thoại bằng nhựa dẻo màu trắng của **Trương Bá T2.**

Xét các tài sản trên không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các chủ sở hữu, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo là phù hợp.

+ Số tiền của 05 bị cáo tạm nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên, mỗi bị cáo 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

Việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự.

Việc xử lý vật chứng trên là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[10] Về các vấn đề khác:

- Đối với **Lê Xuân H2**, **Lê Văn C1**, **Nguyễn Văn T4**: Quá trình điều tra xác định **H2**, **C1**, **T4** không tham gia đánh bạc, không giúp sức cho việc đánh bạc của các bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** không xử lý là có căn cứ.

- Đối với **Lê Quang T3**, sinh năm 1991, trú tại **thôn Y, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa**: Quá trình điều tra xác định, khoảng 10 giờ ngày 30/01/2026 **T3** ở phòng một mình đã lấy vỏ bao thuốc lá cắt thành 04 quân vị hình tròn, dẹt, một mặt màu vàng, một mặt màu trắng rồi cho vào bát sứ, đĩa sứ và tự mình xóc chơi, sau đó để trên giường bên cạnh gần chăn, chiếu. Đến 18 giờ cùng ngày thì **T3** đi làm đến 00 giờ 30 phút ngày 31/01/2026 thì **T3** quay về lán, khi về đến thấy **Công an xã T** đang lập biên bản bắt quả tang những người đang thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa tại phòng ở của **T3**. Việc làm trên của **T3** không nhằm mục đích để sử dụng vào việc đánh bạc. **T3** không tham gia đánh bạc trái phép, không được bàn bạc, thống nhất với **H, L, G, Q, T2** nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** không để xử lý đối với **T3** là có căn cứ.

Đối với xe ô tô nhãn hiệu Nissan, màu đen, biển kiểm soát 38A -271.77 (xe ô tô cá nhân của **H**), chiếc xe ô tô trên không phải là phương tiện phục vụ việc đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** không tạm giữ đối với chiếc xe ô tô trên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Các bị cáo **Trần Viết H**, **Trần Đình L**, **Trần Đình G**, **Nguyễn Viết Q**, **Trương Bá T2** phạm tội “*Đánh bạc*”

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 50, Điều 58, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đối với các bị cáo **Trần Viết H**, **Trần Đình L** mỗi bị cáo 30 (ba mươi) triệu đồng;

Đối với các bị cáo **Trần Đình G**, **Nguyễn Viết Q**, **Trương Bá T2** mỗi bị cáo 25 (hai mươi lăm) triệu đồng.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 16.400.000đ (Mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Trong đó 15.600.000đ thu giữ trên chiếu bạc tại thời điểm phát

hiện và bắt quả tang gồm: Của **Trần Viết H** 4.000.000đ, của **Trần Đình L** 3.200.000đ, của **Trần Đình G** 3.100.000đ, của **Nguyễn Viết Q** 3.100.000đ, của **Trương Bá T2** 2.200.000đ và số tiền 800.00đ thu giữ trên người của **Trương Bá T2** sử dụng để đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy số vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: 01 (một) đĩa sứ màu trắng, có hoa văn màu xanh vàng, 01 (một) bát sứ màu trắng, đáy bát có biểu tượng và dòng chữ "Thái Bình made in Vietnam", 04 (bốn) quân vị hình tròn, dẹt, một mặt vàng, một mặt màu trắng có chữ viết được cắt từ vỏ bao thuốc lá, 02 chiếc cũ đã qua sử dụng màu xanh, 01 chăn nhung cũ đã qua sử dụng màu đỏ.

- Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo số tiền 15.600.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) thu giữ trên người các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc gồm: Của **Trần Viết H** 11.000.000đ, của **Trần Đình L** 2.000.000đ, của **Trần Đình G** 2.600.000đ.

- Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo 04 chiếc điện thoại di động, gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, lưng màu hồng nhạt, kiểu máy IPHONE 16 PROMAX cũ, đã qua sử dụng, số seri L652RHX2J4, số máy MYTP32A/A và 01 (một) ốp điện thoại bằng nhựa dẻo màu trắng của **Trần Viết H**.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, lưng màu đen, kiểu máy REDMI 13, số seri 55559/W4RU00879 của **Trần Đình G**.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, lưng màu xanh, kiểu máy V2110 cũ, đã qua sử dụng, số seri 34471520990038E của **Nguyễn Viết Q**.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, lưng màu bạc, màn hình màu đen, kiểu máy V2441, số seri 10AF321QDM003KQ và 01 (một) ốp điện thoại bằng nhựa dẻo màu trắng của **Trương Bá T2**.

- Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo số tiền các bị cáo tạm nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên gồm:

+ Bị cáo **Trần Viết H** số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) theo biên lai thu số 0000441 ngày 24/2/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

+ Bị cáo **Trần Đình L** số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) theo biên lai thu số 0000442 ngày 24/2/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

+ Bị cáo **Trần Đình G** số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) theo biên lai thu số 0000443 ngày 24/2/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

+ Bị cáo **Nguyễn Viết Quân** số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) theo biên lai thu số 0000444 ngày 24/2/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

+ Bị cáo **Trương Bá T2** số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) theo biên lai thu số 0000445 ngày 24/2/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi thi hành xong các khoản tiền phạt và án phí, số tiền còn lại và điện thoại sẽ được trả lại cho các bị cáo.

Việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự.

Số lượng và tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/4/2026 giữa Cơ quan CSSĐT **Công an tỉnh T** và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Thái Nguyên.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Trung X - Hoàng Thị Thanh Tú

Phạm Tiến Đ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (01b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (01b);
- VKSND khu vực 6 (01b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Thái Nguyên (02b);
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 (Khi án có hiệu lực - 01b);
- Ng-ời tham gia tố tụng (06b);
- L- u.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Tiến Đại

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện Pác Nặm ;
- Cơ quan CSĐT, THA hình sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Công an huyện Pác Nặm;
- Chi cục THADS ;
 - Sở tư pháp;
 - Người có QL - NVLQ
 - UBND xã Cổ Linh, huyện Pác Nặm
 - UBND xã Cao Tân, huyện Pác Nặm
 - Các bị cáo; Người bào chữa
 - Lưu hồ sơ; Lưu VP.

Phạm Tiến Đại

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện Pác Nặm ;
- Cơ quan CSĐT, THA hình sự
Công an huyện Pác Nặm;
- Chi cục THADS ;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo; người có QL-NVLQ
- Lưu hồ sơ; Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Tiến Đại

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gò thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gò thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi

Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn L2 (ví dụ: Ông Trần B1, Luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh H5 bào chữa cho Nguyễn Văn C2); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M2, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội L4 bào chữa cho Nguyễn Văn D1); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và

thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu(bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau: